

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Diệu.

2. Bà Nguyễn Thị Tho.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2020 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D - Sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang trú tại: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn S - Sinh năm 1984.

Trú tại: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị D vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và Bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị D trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn S vào ngày 17/3/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận được một thời gian. Từ năm 2013 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi

nhau, anh S đã nhiều lần đánh đập chị. Đến tháng 10/2013 vợ chồng đã sống ly thân, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau nên làm đơn xin ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn N, sinh ngày 30/3/2013. Hiện nay con chung đang ở với chị, sau khi ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2020, bà Trần Thị D (là mẹ đẻ của anh Trần Văn S) cung cấp như sau:

Anh Trần Văn S đã biết việc chị D có đơn xin ly hôn, anh đã nhận được các giấy tờ của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập nhưng do đang bị bệnh nên anh S không đến Tòa án làm việc được.

Về việc chị D xin ly hôn, anh S có ý kiến như sau: Anh S không đồng ý ly hôn vì vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ.

Về con chung: Anh S và chị D có 01 con chung là Trần Văn N, sinh ngày 30/3/2013 hiện nay cháu đang ở với chị D. Anh S đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng anh S và chị D không có tài sản chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Văn S vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt anh S.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Trần Văn S. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng con chung là Trần Văn N, sinh ngày 30/3/2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị D là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn S vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh S là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về tình cảm: Chị Trần Thị D đăng ký kết hôn với anh Trần Văn S vào ngày 17/3/2010 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Sau khi kết hôn, chị D và anh S chung sống với nhau hòa thuận được một thời gian. Đến năm 2013 mâu thuẫn phát sinh, nhiều lần chị D bị anh S chửi bới, đánh đập. Chị D không chịu đựng được đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 25/10/2013 cho đến nay. Từ năm 2013 cho đến nay anh chị đã chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, đời sống chung của vợ chồng đã thực sự tan vỡ. Nguyên vọng xin ly hôn của chị D là chính đáng có căn cứ được chấp nhận.

Đối với anh S quan điểm của anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị D là không có cơ sở. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, kéo dài, chị D bỏ về nhà mẹ đẻ ở đã 7 năm nhưng anh S không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh S không có mặt để có quan điểm của mình để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn N, sinh ngày 30/3/2013. Hiện nay cháu Trần Văn N đang ở với chị D. Cả chị D và anh S đều có nguyên vọng nhận nuôi con chung. Xét thấy anh chị chỉ có một con chung, chị D đã nuôi dưỡng con từ nhỏ đến nay. Vì vậy để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và ổn định việc học tập của con chung sau khi ly hôn, HĐXX xét thấy cần giao con chung là Trần Văn N cho chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyên vọng của con chung và đúng với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Xét việc chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.3. Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Trần Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng con chung là Trần Văn N, sinh ngày 30/3/2013. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí: Chị Trần Thị D nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 05132 ngày 18/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Trần Thị D và anh Trần Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng